

Họ tên thí sinh:.....
SBD:..... Lớp:

I/ TRẮC NGHIỆM (12 câu; 3,0 điểm)

Chọn đáp án đúng nhất.

Câu 1: Môi trường sống của con người bao gồm:

- A. Môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo.
- B. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.
- C. Môi trường xã hội và môi trường nhân tạo.
- D. Môi trường tự nhiên, môi trường nhân tạo và môi trường xã hội.

Câu 2: Trong các hoạt động dưới đây, hoạt động nào không thuộc nhóm dịch vụ kinh doanh:

- A. Kinh doanh bất động sản.
- B. Thông tin liên lạc.
- C. Giao thông vận tải.
- D. Bán buôn, bán lẻ.

Câu 3: Thương mại là:

- A. Nơi gặp gỡ giữa người bán và người mua.
- B. Khâu nối liền sản xuất với tiêu dùng.
- C. Ngành làm nhiệm vụ trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một quốc gia.
- D. Ngành làm nhiệm vụ trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia.

Câu 4: Sự phát triển của khoa học kỹ thuật làm cho danh mục tài nguyên thiên nhiên có xu hướng:

- A. Ngày càng cạn kiệt.
- B. Ổn định, ít thay đổi.
- C. Mở rộng.
- D. Thu hẹp.

Câu 5: Năm 2010, khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển đường sắt nước ta lần lượt là 7861,5 nghìn tấn và 3960,9 triệu tấn.km. Cự li vận chuyển trung bình:

- A. 503,8 km.
- B. 198,5 km.
- C. 2,0 km
- D. 0,5 km.

Câu 6: Con đường ngắn nhất nối Thái Bình Dương và Đại Tây Dương là:

- A. Kênh Xuy-ê.
- B. Kênh Ki-en.
- C. Kênh Von-ga.
- D. Kênh Pa-na-ma.

Câu 7: Nhân tố ảnh hưởng đến sức mua và nhu cầu dịch vụ là:

- A. Truyền thống văn hóa, phong tục tập quán.
- B. Mức sống và thu nhập thực tế của người dân.
- C. Quy mô, cơ cấu dân số.
- D. Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.

Câu 8: Ngành giao thông vận tải trẻ tuổi, có tốc độ phát triển nhanh, sử dụng có hiệu quả những thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật là:

- A. Đường ô tô.
- B. Đường ống.
- C. Đường hàng không.
- D. Đường biển.

Câu 9: Nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải là:

- A. Khí hậu và thời tiết.
- B. Điều kiện tự nhiên.
- C. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân.
- D. Phân bố dân cư.

Câu 10: Kênh đào Xuy-ê thuộc nước:

- A. Ai Cập.
- B. Hoa Kỳ.
- C. Pháp.
- D. Pa-na-ma.

Câu 11: Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là:

- A. Sự chuyên chở người và hàng hóa.
- B. Cung cấp vật tư, nguyên liệu cho cơ sở sản xuất.
- C. Đưa sản phẩm đến thị trường tiêu thụ.
- D. Phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân.

Câu 12: Năm 2010, nước ta có giá trị xuất khẩu 72236,7 triệu USD, giá trị nhập khẩu 84838,6 triệu USD. Cán cân xuất nhập khẩu là:

- A. 157075,3 triệu USD.
- B. -12601,9 triệu USD.
- C. -157075,3 triệu USD.
- D. 12601,9 triệu USD.

II/ TỰ LUẬN

Câu 1. (3,5 điểm)

Nêu khái niệm và các cách phân loại tài nguyên thiên nhiên. Theo khả năng bị hao kiệt trong quá trình sử dụng của con người, xếp nước vào loại tài nguyên có thể bị hao kiệt được không? Tại sao?

Câu 2. (3,5 điểm)

Cho bảng số liệu:

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN THEO NGÀNH VẬN TẢI NƯỚC TA

(Đơn vị: Triệu tấn.km)

Năm	Đường bộ	Đường biển	Đường hàng không
2000	7.969,9	31.244,6	114,1
2005	17.668,3	61.872,4	239,3
2008	27.968,0	115.556,8	295,6
2010	36.179,0	145.521,4	426,8
2012	43.468,5	131.146,3	475,1

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

- a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hóa luân chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2012. (Lấy năm 2000 = 100%)
- b. Qua biểu đồ đã vẽ, rút ra nhận xét.

----- Hết -----

I/ TRẮC NGHIỆM (0,25 điểm/1 câu)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
132	D	D	B	C	A	D	B	C	C	A	A	B
209	C	D	C	A	D	D	B	C	B	A	B	A
357	A	B	D	D	C	B	C	B	A	D	C	A
485	C	D	A	B	A	D	B	D	C	B	A	C

II/ TỰ LUẬN

Câu	Ý	Nội dung	Điểm																								
1		- Khái niệm: Tài nguyên thiên nhiên là các thành phần của tự nhiên (các vật thể và các lực tự nhiên) mà ở trình độ nhất định của sự phát triển lực lượng sản xuất chúng được sử dụng hoặc có thể được sử dụng làm phương tiện sản xuất và làm đối tượng tiêu dùng.	0,5																								
		- Phân loại tài nguyên: + Theo thuộc tính tự nhiên: tài nguyên đất, tài nguyên nước,...	0,5																								
		+ Theo công dụng kinh tế: tài nguyên nông nghiệp, tài nguyên công nghiệp, tài nguyên du lịch,..	0,5																								
		+ Theo khả năng có thể bị hao kiệt trong quá trình sử dụng của con người: tài nguyên có thể bị hao kiệt (tài nguyên không khôi phục được và tài nguyên khôi phục được), tài nguyên không bị hao kiệt.	1,0																								
		- Không thể xếp nước vào loại tài nguyên có thể bị hao kiệt.	0,5																								
		- Vì nước là loại tài nguyên có trữ lượng lớn trên Trái Đất và tuần hoàn nước trên Trái Đất khiến nước chuyển hóa từ dạng này sang dạng khác chứ không mất đi.	0,5																								
2	a	Vẽ biểu đồ - Xử lí số liệu Đơn vị: % <table border="1"><tr><td>Năm</td><td>2000</td><td>2005</td><td>2008</td><td>2010</td><td>2012</td></tr><tr><td>Đường bộ</td><td>100</td><td>221,7</td><td>350,8</td><td>453,9</td><td>545,4</td></tr><tr><td>Đường biển</td><td>100</td><td>198,0</td><td>369,8</td><td>465,7</td><td>419,7</td></tr><tr><td>Đường hàng không</td><td>100</td><td>209,7</td><td>259,0</td><td>374,0</td><td>416,4</td></tr></table>	Năm	2000	2005	2008	2010	2012	Đường bộ	100	221,7	350,8	453,9	545,4	Đường biển	100	198,0	369,8	465,7	419,7	Đường hàng không	100	209,7	259,0	374,0	416,4	1,0
		Năm	2000	2005	2008	2010	2012																				
Đường bộ	100	221,7	350,8	453,9	545,4																						
Đường biển	100	198,0	369,8	465,7	419,7																						
Đường hàng không	100	209,7	259,0	374,0	416,4																						
	- Vẽ biểu đồ đường, các loại khác không chấm điểm Yêu cầu: thẩm mỹ, chính xác. Thiếu hoặc sai 1 lỗi trừ 0,5 điểm.	1,5																									
	b	Nhận xét: Nhìn chung trong giai đoạn 2000-2012, tốc độ tăng trưởng khối lượng luân chuyển hàng hóa theo ngành vận tải đều tăng:	0,5																								
		Tăng nhanh nhất là đường ô tô (545,4 %), thấp nhất là đường hàng không (416,4 %)	0,25																								
		- Tốc độ tăng trưởng khối lượng luân chuyển hàng hóa đường biển không ổn định nhưng vẫn tăng 419,7%	0,25																								
Tổng		1+2	7,0																								